

Số: 207/QĐ-ĐHNLBG-ĐT

Bắc Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận trúng tuyển liên thông trình độ đại học
hình thức chính quy và vừa làm vừa học đợt 02 tháng 03 năm 2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT và Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 20/5/2019 sửa đổi các Khoản 3, 4, 5 (Điều 3) Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-ĐHNLBG ngày 27/12/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc ban hành Quy định tuyển sinh, đào tạo liên thông trình độ đại học;

Căn cứ biên bản của Hội đồng tuyển sinh ngày 24/03/2022 về việc xét công nhận trúng tuyển liên thông trình độ đại học đợt 02 tháng 03 năm 2022;

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận thí sinh trúng tuyển liên thông trình độ đại học hình thức chính quy và vừa làm vừa học đợt 02 tháng 03 năm 2022.

(Có danh sách thí sinh theo ngành và hình thức đào tạo kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- BGH, CT HĐT;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT.

KT, HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Mai Thị Huyền

**DANH SÁCH THÍ TRÚNG TUYỂN LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC CHÍNH QUY VÀ VỪA LÀM VỪA HỌC ĐỢT 02 THÁNG 03 NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số **207** /QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày **29** tháng 03 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm xét tuyển	Ngành đăng ký xét tuyển	Hình thức đăng ký xét tuyển
1, Liên thông Cao đẳng - Đại học						
1	1 Nguyễn Thị Kiều Oanh	10/10/1986	Nữ	8.1	Công nghệ thực phẩm	VLVH
2	2 Nguyễn Thị Bích Trâm	25/01/1999	Nữ	7.8	Công nghệ thực phẩm	VLVH
3	3 Lê Thị Thoa	01/05/1986	Nữ	7.0	Kế toán	Chính quy
4	4 Phạm Lương Bằng	16/12/1999	Nam	8.5	Khoa học cây trồng	VLVH
5	5 Phạm Ngọc Hải	04/03/2000	Nam	8.3	Khoa học cây trồng	VLVH
6	6 Nguyễn Hương Ngân	10/09/1991	Nam	8.3	Khoa học cây trồng	VLVH
7	7 Nguyễn Thành Trung	04/03/1997	Nam	8.2	Khoa học cây trồng	VLVH
8	8 Phan Văn Hoàng	03/11/1975	Nam	7.7	Khoa học cây trồng	VLVH
9	9 Phạm Ngọc Dương	30/12/1980	Nam	7.6	Khoa học cây trồng	VLVH
10	10 Đặng Thị Ngọc Lệ	11/12/1999	Nữ	7.5	Khoa học cây trồng	VLVH
11	11 Nguyễn Thị Ngọc Anh	28/03/2000	Nữ	7.3	Khoa học cây trồng	VLVH
12	12 Nguyễn Trung Đức	31/07/1994	Nam	7.2	Khoa học cây trồng	VLVH
13	13 Vũ Thị Thanh Nga	20/11/1984	Nữ	7.0	Khoa học cây trồng	Chính quy
14	14 Nguyễn Văn Huân	02/02/1981	Nam	6.9	Khoa học cây trồng	VLVH
15	15 Tô Thị Hạnh	28/07/1988	Nữ	6.8	Khoa học cây trồng	VLVH
16	16 Chu Văn Lập	16/09/1990	Nam	6.7	Khoa học cây trồng	Chính quy
17	17 Trần Bá Thịnh	02/09/1984	Nam	6.6	Khoa học cây trồng	VLVH
18	18 Nguyễn Xuân Thành	12/07/1982	Nam	5.9	Khoa học cây trồng	Chính quy
19	19 Nguyễn Thụy Ánh Ngọc	22/06/1998	Nữ	8.0	Quản lý đất đai	VLVH
20	20 Thái Hồng Anh	26/02/1992	Nam	7.7	Quản lý đất đai	VLVH
21	21 Thân Bảo Lâm	18/02/1995	Nam	7.6	Quản lý đất đai	VLVH
22	22 Nguyễn Mạnh Phúc Tài	29/09/1994	Nam	7.6	Quản lý đất đai	VLVH
23	23 Nguyễn Thanh Vũ	01/05/1993	Nam	7.6	Quản lý đất đai	VLVH
24	24 Nguyễn Thị Thu Hà	02/06/1995	Nữ	7.5	Quản lý đất đai	VLVH
25	25 Đoàn Hoài Sơn	04/09/1983	Nam	7.5	Quản lý đất đai	VLVH
26	26 Nguyễn Đức Hòa	08/09/1992	Nam	7.4	Quản lý đất đai	VLVH
27	27 Phan Quốc Huy	29/07/1990	Nam	7.4	Quản lý đất đai	VLVH
28	28 Bùi Hữu Thái	17/06/1996	Nam	7.4	Quản lý đất đai	VLVH
29	29 Vũ Thành Đô	24/09/1993	Nam	7.2	Quản lý đất đai	VLVH
30	30 Phạm Thanh Dũng	19/10/1998	Nam	7.2	Quản lý đất đai	VLVH
31	31 Trần Thanh Lộc	20/05/1998	Nam	7.2	Quản lý đất đai	VLVH
32	32 Huỳnh Lê Quốc Đạt	05/12/2001	Nam	6.9	Quản lý đất đai	VLVH
33	33 Trần Văn Tuấn	30/09/2000	Nam	6.6	Quản lý đất đai	VLVH
34	34 Nông Thanh Hiếu	13/06/1997	Nam	6.5	Quản lý đất đai	VLVH
35	35 Đặng Bảo Phong	17/09/1995	Nam	6.5	Quản lý đất đai	VLVH

TT		Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm xét tuyển	Ngành đăng ký xét tuyển	Hình thức đăng ký xét tuyển
36	36	Nguyễn Khương Duy	19/04/1993	Nam	6.4	Quản lý đất đai	VLVH
37	37	Bùi Nguyễn Thiên Phước	29/12/1997	Nam	6.3	Quản lý đất đai	VLVH
2, Liên thông trình độ đại học đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học							
38	1	Lê Thị Thoan	29/10/1978	Nữ	6.7	Công nghệ thực phẩm	VLVH
39	2	Nguyễn Thị Như Nguyệt	10/06/1997	Nữ	7.0	Kế toán	Chính quy
40	3	Huỳnh Thùy Trang	13/07/1986	Nữ	6.7	Khoa học cây trồng	VLVH
41	4	Lê Kim Tuyền	21/01/1993	Nữ	7.6	Quản lý đất đai	VLVH
42	5	Lê Thị Lan Anh	25/06/1992	Nữ	7.6	Quản lý đất đai	Chính quy
43	6	Phạm Thị Ánh	15/05/1989	Nữ	7.5	Quản lý đất đai	Chính quy
44	7	Hoàng Thị Hồng Hạnh	30/07/1989	Nữ	7.1	Quản lý đất đai	Chính quy
45	8	Nguyễn Văn Tấn	14/08/1988	Nam	7.0	Quản lý đất đai	Chính quy
46	9	Nguyễn Quyết Tiến	05/11/1988	Nam	6.9	Quản lý đất đai	VLVH
47	10	Lê Hữu Du	18/10/1986	Nam	6.6	Quản lý đất đai	VLVH
48	11	Nguyễn Văn Quyết	22/06/1991	Nam	6.5	Quản lý đất đai	VLVH
49	12	Hoàng Lê Huân	02/06/1987	Nam	6.4	Quản lý đất đai	VLVH
50	13	Lê Xuân Tùng	19/07/1980	Nam	6.3	Quản lý đất đai	Chính quy
51	14	Luyện Thị Chính	16/11/1984	Nữ	6.2	Quản lý đất đai	Chính quy
52	15	Đỗ Phú Sơn	04/10/1985	Nam	6.2	Quản lý đất đai	Chính quy
53	16	Trần Kết Nghĩa	20/10/1985	Nam	6.0	Quản lý đất đai	VLVH
3, Liên thông Trung cấp - Đại học							
54	1	Trần Thị Bích Ngọc	01/08/1995	Nữ	7.1	Công nghệ thực phẩm	VLVH
55	2	Nguyễn Thanh Giản	10/05/1965	Nam	7.0	Công nghệ thực phẩm	VLVH
56	3	Giáp Văn Tiến	05/11/1984	Nam	6.0	Kế toán	Chính quy
57	4	Lê Duy Lục	13/07/1982	Nam	5.9	Kế toán	Chính quy
58	5	Phạm Tuấn Anh	13/03/1984	Nam	7.4	Khoa học cây trồng	Chính quy
59	6	Hoàng Văn Thái	29/06/1985	Nam	7.3	Khoa học cây trồng	Chính quy
60	7	Nguyễn Bá Duy	08/03/1990	Nam	7.2	Khoa học cây trồng	Chính quy
61	8	Đinh Thị Lũy	16/09/1989	Nữ	6.9	Khoa học cây trồng	Chính quy
62	9	Nguyễn Khắc Hiên	21/06/1979	Nam	6.7	Khoa học cây trồng	Chính quy
63	10	Hoàng Trung Hiếu	01/09/1979	Nam	6.6	Khoa học cây trồng	Chính quy
64	11	Nông Thị Hồng	18/02/1986	Nữ	6.5	Khoa học cây trồng	Chính quy
65	12	Nguyễn Văn Đồng	02/09/1974	Nam	6.3	Khoa học cây trồng	VLVH
66	13	Nông Trung Lành	12/09/1980	Nam	6.3	Khoa học cây trồng	Chính quy
67	14	Nguyễn Bá Hòa	22/06/1965	Nam	5.5	Khoa học cây trồng	Chính quy
68	15	Phạm Tuấn Vinh	10/09/1988	Nam	7.3	Quản lý đất đai	Chính quy
69	16	Nguyễn Văn Dũng	09/12/1987	Nam	7.1	Quản lý đất đai	VLVH
70	17	Vũ Văn Cừ	06/01/1979	Nam	7.0	Quản lý đất đai	Chính quy
71	18	Đặng Đình Trí	10/09/1971	Nam	7.0	Quản lý đất đai	Chính quy
72	19	Hoàng Phi Hùng	18/11/1992	Nam	6.3	Quản lý đất đai	VLVH
73	20	Phạm Tài Thuận	22/04/1993	Nam	6.2	Quản lý đất đai	VLVH
74	21	Chu Minh Thiện	05/04/2000	Nam	6.1	Quản lý đất đai	VLVH
75	22	Phạm Văn Hoài	12/10/1978	Nam	5.9	Quản lý đất đai	Chính quy

(Tổng số 75 thí sinh theo danh sách)

Handwritten signature